

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1855/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, PC.

(Handwritten marks)



Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

b) Huy động sự tham gia một cách thiết thực, chủ động của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong các hoạt động quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa từ chính sách, pháp luật cho đến các hoạt động, việc làm cụ thể.

c) Thực hiện tinh thần nêu gương của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong cuộc chiến chống chất thải nhựa qua đó lan tỏa và làm thay đổi nhận thức của cộng đồng về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường do sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, tiến tới từ bỏ thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy và thay thế bằng sản phẩm thân thiện với môi trường.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải được triển khai sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị và tổ chức đoàn thể thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực và hiệu quả;

b) Có tiêu chí rõ ràng, cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị; có đơn đốc, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết đánh giá những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém và đề ra giải pháp thực hiện, bảo đảm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch;

c) Đề cao trách nhiệm, vai trò và nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật quản lý chất thải nhựa

1.1. Tổng cục Môi trường

a) Xây dựng, hoàn thiện chế định quản lý chất thải rắn trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản quy định chi tiết Luật theo hướng coi chất thải và chất thải nhựa là tài nguyên; rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý chất thải nhựa.

Thời gian thực hiện: năm 2020-2021

b) Đề xuất quy định pháp luật về tái xuất hoặc trả lại phế liệu nhựa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Thời gian hoàn thành: năm 2021

c) Rà soát, tiếp tục đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về nhãn sinh thái, đặc biệt là đối với túi ni lông thân thiện môi trường và các sản phẩm nhựa có hàm lượng tái chế cao.

Thời gian hoàn thành: năm 2022

d) Rà soát, đề xuất hoàn thiện hoặc phối hợp xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật môi trường cho các sản phẩm, hàng hóa và túi ni lông có nguồn gốc từ nhựa tái chế, các sản phẩm, hàng hóa chứa hạt vi nhựa, nano nhựa để phòng ngừa các tác động xấu đến sức khỏe con người, môi trường sinh thái; đề xuất quy định và lộ trình cấm sử dụng hạt vi nhựa trong sản xuất hóa mỹ phẩm, may mặc, phân bón....

Thời gian hoàn thành: năm 2023

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách và quy định pháp luật hạn chế sản xuất, tiêu dùng và có lộ trình cấm sản xuất, tiêu dùng một số sản phẩm nhựa dùng một lần.

Thời gian thực hiện: năm 2022 - 2023

e) Nghiên cứu, xây dựng chính sách, quy định pháp luật khuyến khích tổ chức, cá nhân phân loại chất thải nhựa tại nguồn tạo điều kiện thuận lợi để thu gom, tái chế.

Thời gian thực hiện: 2021 - 2023

1.2. Vụ Pháp chế

a) Xây dựng quy định chi tiết Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) liên quan đến trách nhiệm của nhà sản xuất (thay thế Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ).

Thời gian hoàn thành: năm 2021

b) Nghiên cứu, đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, mô hình hợp tác công tư, mô hình kinh tế chia sẻ, các sáng kiến thúc

đẩy sự tham gia của các hiệp hội, các tổ chức, các doanh nghiệp nhằm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa.

Thời gian hoàn thành: năm 2023

1.3. Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và xu hướng phát sinh chất thải nhựa từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đề xuất cơ chế, chính sách quản lý chất thải nhựa phù hợp với điều kiện Việt Nam

Thời gian hoàn thành: năm 2025

2. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi ứng xử với các sản phẩm nhựa, chất thải nhựa

2.1. Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền

a) Xây dựng, phát động các phong trào thi đua tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; phát động phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy”.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2030

b) Xây dựng định hướng tuyên truyền trong toàn ngành tài nguyên và môi trường về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; tuyên truyền nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, mô hình, sáng kiến hiệu quả trong quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

Thời gian thực hiện: định kỳ hằng năm

2.2. Các đơn vị trực thuộc Bộ

a) Giảm thiểu và hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần; không sử dụng băng rôn, khẩu hiệu làm bằng nhựa trong các ngày lễ, ngày kỷ niệm và các sự kiện khác; không sử dụng chai, cốc, ống hút nhựa.... dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

b) Thực hiện thu gom, phân loại rác thải tại cơ quan, trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động thu gom, tái chế chất thải nói chung và rác thải nhựa.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

c) Khuyến khích, phát động phong trào công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị gương mẫu trong hạn chế sử dụng túi nilon và sản phẩm nhựa dùng một lần và tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, bạn bè cùng tham gia thực hiện “Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy”.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

2.3. Văn phòng Bộ

a) Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc, Quy chế văn hóa công sở, Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong đó yêu cầu tất cả các đơn vị thuộc Bộ thực hiện cắt giảm, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni long khó phân hủy, đặc biệt tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động sự kiện khác của Bộ và đơn vị thuộc Bộ.

Thời gian hoàn thành: 2021

b) Bố trí lắp đặt thùng đựng rác và phân loại rác tại trụ sở Bộ đảm bảo thu hồi được chất thải để phục vụ hoạt động thu gom, tái chế; hướng dẫn việc lắp đặt thùng đựng rác và phân loại rác tại các đơn vị thuộc Bộ bảo đảm thống nhất, đồng bộ về màu sắc, mẫu mã...

Thời gian hoàn thành: 2020

2.4. Tổng cục Môi trường

a) Xây dựng và công bố tài liệu kỹ thuật hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại gia đình, công sở.

Thời gian hoàn thành: năm 2021

b) Nghiên cứu, đề xuất tiêu chí giảm thiểu, phân loại, thu gom chất thải nhựa trong đánh giá, xếp hạng kết quả hoạt động bảo vệ môi trường của các địa phương.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2022

2.5. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

a) Tổ chức chiến dịch thu gom rác thải, làm sạch một số bãi biển quy mô quốc gia trên cơ sở xác định thứ tự ưu tiên và lộ trình thực hiện phù hợp, kết hợp với tổ chức Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ biển và hải đảo.

Thời gian thực hiện: định kỳ hằng năm

b) Truyền thông và triển khai nhân rộng áp dụng mô hình giảm thiểu, thu gom, phân loại chất thải nhựa và túi ni lông tại các khu du lịch gắn liền với biển và hải đảo phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

2.6. Văn phòng Bộ (Cổng Thông tin điện tử), Báo Tài nguyên và Môi trường, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện công tác tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục về giảm thiểu, phân loại, thu gom và tái chế chất thải nhựa; quảng bá các sản phẩm nhựa, túi ni lông được gắn nhãn xanh, nhãn sinh thái.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

b) Đẩy mạnh tuyên truyền các hoạt động áp dụng mô hình 5R (Renew, Refuse, Reduce, Reuse, Recycle – làm mới, từ chối, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) trong

hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và sinh hoạt thường ngày để giảm thiểu, hạn chế, tiến tới nói không với rác thải nhựa.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

2.7. Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường

a) Xây dựng nội dung và thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của các sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường, đại dương và sức khỏe con người nhằm thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; hình thành ý thức của người dân về giảm thiểu, phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

b) Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền thông cho mạng lưới phóng viên, biên tập viên chuyên trách tài nguyên và môi trường về chất thải nhựa.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

c) Xây dựng và thực hiện dự án truyền thông, tuyên truyền nâng cao năng lực, kinh nghiệm trong quá trình quản lý, vận hành, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về giảm thiểu chất thải nhựa, hướng tới sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

d) Tổ chức giải thưởng môi trường đối với các mô hình, giải pháp, sáng kiến về giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái chế và xử lý chất thải nhựa.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

2.8. Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường

Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường từ Trung ương đến địa phương về quản lý chất thải rắn (trong đó có chất thải nhựa).

Thời gian thực hiện: thường xuyên

2.9. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

a) Tổ chức giáo dục, phổ biến cho sinh viên về tác hại của việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường nhằm thay đổi hành vi ứng xử của sinh viên với sản phẩm nhựa, chất thải nhựa;

Thời gian thực hiện: thường xuyên

b) Phát động phong trào "Sinh viên tài nguyên và môi trường nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần"; khuyến khích sinh viên tái chế sản phẩm nhựa bỏ đi thành các sản phẩm trang trí, vật dụng phục vụ học tập; biểu dương sinh viên điển hình trong phong trào chống chất thải nhựa nhằm lan tỏa những hành động đẹp vì môi trường.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

3. Về xây dựng, thực hiện và tổng kết các chiến lược, đề án, dự án và một số nhiệm vụ cụ thể

3.1. Tổng cục Môi trường

a) Xây dựng, hoàn thiện Đề án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam theo hướng tích hợp các đề án, chương trình, hành động về chất thải nhựa hiện có để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và tập trung nguồn lực.

Thời gian hoàn thành: năm 2020

b) Tổng kết việc thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020 và đề xuất giải pháp hạn chế, tiến tới không sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt, tích hợp vào Đề án tăng cường quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam.

Thời gian hoàn thành: năm 2020

c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu sử dụng 100% túi ni lông thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt thay thế cho túi ni lông khó phân hủy; hạn chế và tiến tới chấm dứt việc nhập khẩu, sản xuất và cung cấp các loại túi ni lông khó phân hủy kể từ năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan tổ chức thống kê và định kỳ thống kê, phân loại nguyên liệu nhựa được sử dụng trong sản xuất, tiêu dùng và chất thải nhựa; xây dựng cơ sở dữ liệu về sử dụng nhựa và chất thải nhựa trên phạm vi toàn quốc.

Thời gian thực hiện: định kỳ hằng năm

đ) Tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải nhựa; xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải nhựa thống nhất, phù hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký, khai báo, quản lý việc sản xuất, sử dụng sản phẩm phát sinh chất thải nhựa, túi ni lông.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2025

3.2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

a) Xây dựng và vận hành Trung tâm quốc tế về rác thải nhựa đại dương; xây dựng hệ thống thông tin kiểm soát rác thải nhựa từ đất liền ra biển và từ các hoạt động trên biển, hải đảo; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về rác thải nhựa đại dương.

Thời gian hoàn thành: năm 2025

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án tăng cường năng lực khảo sát, quan trắc, phân tích thí nghiệm phục vụ nghiên cứu về chất thải nhựa đại dương.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2025

c) Tổ chức khảo sát, quan trắc, phân tích thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, giám sát rác thải nhựa đại dương và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển. Tổ chức điều tra, đánh giá và điều phối, quản lý các nhiệm vụ về điều tra, đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2025

d) Nghiên cứu đề xuất xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát rác thải nhựa tại 11 lưu vực sông chính và 12 huyện đảo phục vụ cho việc quan trắc, giám sát định kỳ hằng năm và 5 năm đánh giá hiện trạng rác thải nhựa

Thời gian thực hiện: năm 2022 - 2025

3.3. Vụ Pháp chế

Nghiên cứu, đề xuất Đề án thành lập khu công nghiệp tái chế theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Thời gian thực hiện: năm 2021 - 2023

4. Về tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển, chuyển giao công nghệ về xử lý chất thải nhựa

4.1. Vụ Hợp tác quốc tế

a) Duy trì, thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc kiểm soát, quản lý chất thải nhựa; rà soát các khuôn khổ hợp tác quốc tế về quản lý chất thải nhựa và đề xuất phương án tham gia các điều ước quốc tế về quản lý chất thải nhựa; tổ chức cơ chế điều phối chung với các đối tác phát triển về các dự án, nhiệm vụ về phòng chống và giảm thiểu chất thải nhựa theo từng giai đoạn, phù hợp với năng lực, trình độ trong nước.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

b) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan trong huy động, tiếp nhận nguồn tài trợ quốc tế cho hoạt động quản lý, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa và sản xuất các sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

4.2. Vụ Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các nghiên cứu về thực trạng, xu hướng phát sinh chất thải nhựa; tác động của chất thải nhựa (đặc biệt là vi nhựa) đến tài nguyên, môi trường, các hệ sinh thái và sức khỏe con người; công tác quản lý chất thải nhựa; sáng chế, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong hoạt động xử lý, tái chế chất thải nhựa, phát triển các sản phẩm, vật liệu thay thế, thúc đẩy nhanh nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Thời gian thực hiện: định kỳ hằng năm

4.3. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

a) Tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế về chất thải nhựa đại dương.

Thời gian thực hiện: định kỳ hằng năm

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chia sẻ thông tin, dữ liệu với các quốc gia trong khu vực ASEAN, các nước khu vực biển Đông Á và trên thế giới về chất thải nhựa đại dương.

Thời gian thực hiện: thường xuyên

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia thiết lập chính sách, cơ chế hợp tác toàn cầu, khu vực để kiểm soát và quản lý chất thải nhựa đại dương; hình thành khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế về phòng chống, giảm thiểu chất thải nhựa đại dương.

Thời gian thực hiện: năm 2025 - 2030

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch này, các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cho giai đoạn đến năm 2025 và cụ thể hóa cho từng năm gắn với chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, đảm bảo thiết thực, khả thi, hiệu quả; định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện (trước ngày 15/12 hằng năm) về Tổng cục Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ báo cáo Bộ trưởng bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước (nguồn sự nghiệp môi trường và nguồn khoa học và công nghệ) để thực hiện Kế hoạch này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của Kế hoạch, các đơn vị báo cáo kịp thời với Bộ (qua Vụ Pháp chế) để xem xét, quyết định điều chỉnh nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà